TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-PT
Ngày:13-4-2021
V/v:"Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Thắng
Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Hồng Ánh
2. Bà Nguyễn Thúy Hằng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà:*** Bà Trần Thị Kim Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2020/TLPT - DS ngày 10/12/2020, về việc: "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc", Do bản án dân sự sơ thẩm **số 11/2020/DS-ST ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn** bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐ-PT, ngày 23/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **Đinh Văn Ng**; Sinh năm: 1969; Địa chỉ: R3b, căn hộ 0902, Royal city, số 72A Ng, quận Th, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Chu Văn T**; Sinh ngày 25/3/1997; T3, số 81, T, phường Ng, quận H, Thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lê Đức T** - Luật sư Văn phòng luật sư L và Đồng sự; Địa chỉ: Tầng 3, số 34 T, phường Ng, quận H, Thành phố Hà Nội; có mặt

2. Bị Đơn: ông **Nguyễn Tiến L;** sinh năm: 1966; Địa chỉ: Tổ 3, Khu 8, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại theo ủy quyền của bị đơn: ông Đặng Văn Th1; Địa chỉ: Tổ 4, khu 8, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Đức Th; chị Phạm Thị Nh; Cùng địa chỉ: Tổ 3, Khu 8, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kháng cáo: Nguyên đơn ông Đinh Văn Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2020 của nguyên đơn, các lời khai tại Toà án và tại phiên toà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Đầu năm 2017, thông qua bạn bè, đối tác làm ăn kinh doanh tại Quảng Ninh ông Ng có quen biết với ông Nguyễn Tiến L. Qua trao đổi ông Ng được biết ông L đang sở hữu hòn đảo tên là Hòn Sồng diện tích 12,5ha + 3,84 ha mặt nước thuộc xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Ông L đã chủ động đề xuất muốn bán cho ông Ngvới giá 5 tỷ đồng, đồng thời khẳng định sẽ làm đúng, đủ thủ tục pháp lý sang tên sổ đỏ cho ông Ngnếu ông Ng mua. Ông Ng đã tin tưởng ông L và đồng ý mua lại diện tích đảo này. Ngày 04/4/2017 ông Ng và ông L đã ký giấy nhận đặt cọc bán 12,5ha + 3,84 ha mặt nước Hòn Sồng với giá thỏa thuận 5.500.000.000 đồng. Theo thỏa thuận số tiền đặt cọc là 1.000.000.000 đồng. Ông Ng đã thanh toán cho ông L thành hai đợt: Đợt 1 vào ngày 04/4/2017, số tiền là 200.000.000 đồng; đợt 2 ngày 05/4/2017 ông Ng chuyển cho ông L số tiền là 800.000.000 đồng. Ông L cam kết trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ tiền đặt cọc sẽ ký công chứng chuyển nhượng hợp đồng mua bán đảo Hòn Sồng cho ông Ng. Tại thời điểm công chứng hợp đồng, ông Ng có trách nhiệm thanh toán cho ông L số tiền 2.500.000.000 đồng. Số tiền mua bán 2.000.000.000 đồng còn lại sẽ được thanh toán khi ông L chuyển GCNQSDĐ cho ông Ng. Nếu ông L không ký Hợp đồng mua bán thì trả cho ông Ng số tiền phạt hợp đồng là 2.000.000.000 đồng.

Tuy nhiên, khi đã nhận đủ tiền đặt cọc, ông L đã không thực hiện đúng cam kết, không ký công chứng hợp đồng mua bán mặc dù ông Ng đã nhiều lần yêu cầu. Ngày 28/02/2019, ông Ngđã gửi thông báo cho ông L yêu cầu thực hiện nghĩa vụ vi phạm thỏa thuận tại Giấy đặt cọc mua đảo Hòn Sồng ngày 04/4/2017. Nhưng ông L không phản hồi, ông Ng cũng đã gửi thông báo cho ông L tại thông báo ngày 06/3/2019, yêu cầu ông L trong thời hạn 5 ngày kể từ 06/3/2019 phải hoàn trả lại toàn bộ tiền đặt cọc đã nhận và tiền phạt vi phạm theo thỏa thuận do không thực hiện ký hợp đồng chuyển nhượng đảo Hòn Sồng. Nhưng ông L không phản hồi lại, nay ông Ng yêu cầu Tòa án:

- Buộc ông Nguyễn Tiến L phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền đặt cọc đã nhận của ông Ng là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) do ông L đã vi phạm hợp đồng đặt cọc ký ngày 04/4/2017;

- Buộc ông Nguyễn Tiến L phải trả cho ông Ng số tiền phạt vi phạm hợp đồng theo đúng cam kết tại Giấy nhận đặt cọc bán đảo Hòn Sồng ký ngày 04/4/2017 là 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng).

- Yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc ký kết ngày 04/4/2017 giữa ông Đinh Văn Ng và ông Nguyễn Tiến L là vô hiệu do bị lừa dối.

Tại bản tự khai, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Đặng Văn Th1 trình bày.

Ông L được em trai là nguyễn Đức Th ủy quyền cho ông L được bán khu đất rừng (Hòn Sồng). Ngày 4/4/2017 ông Đinh Văn Ng có đặt vấn đề mua rừng với giá 5.500.000.000 đồng. Ông L đã ký hợp đồng đặt cọc với ông Ng, ông L đã nhận của ông Ng 1.000.000.000 đồng như ông Ng trình bày là đúng, trong đó hợp đồng đã ghi rõ nếu bên ông Ng không mua nữa sẽ phải mất số tiền đặt cọc trên. Sau khi ký kết hợp đồng, ông L đã làm thủ tục chuyển từ sổ xanh sang sổ hồng, để hợp pháp việc mua bán và đã yêu cầu ông Ng nhiều lần chuyển hết số tiền còn lại cho ông L để thực hiện hợp đồng, nhưng ông Ng không thực hiện hợp đồng. Đến ngày 05/5/2017, ông Ng không đến gặp ông L để ký kết hợp đồng công chứng như đã giao kết, đây là lỗi của ông Ng, vì vậy, việc ông Ng yêu cầu ông L trả lại số tiền đặt cọc 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) và tiền phạt vi phạm hợp đồng (phạt cọc) là 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) ông L không đồng ý.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc ký kết ngày 04/4/2017 giữa ông Đinh Văn Ng và ông Nguyễn Tiến L là vô hiệu do bị lừa dối, phía bị đơn cho rằng không có căn cứ để chấp nhận, do có sự mâu thuẫn giữa hai yêu cầu là tuyên bố hợp đồng vô hiệu nhưng vẫn yêu cầu trả tiền đặt cọc, tiền phạt cọc.

Ông L còn khai: Khi ký hợp đồng đặt cọc ông L và ông Ng không tiến hành xem xét thực địa nên cũng không tiến hành đối chiếu diện tích giữa sổ Giao đất, giao rừng được cấp, với thực tế diện tích đảo Hòn Sồng vì qua môi giới, bên môi giới và ông Ng thúc giục ông L tiến hành bán ngay, ông L cũng không biết bên ông Ng và bên môi giới có đi xem thực địa hay không. Khi ký hợp đồng ông L có đưa cho ông Ng một quyết định giao đất giao rừng (bản phô tô) số 300 ngày 17/6/2003 của UBND huyện Vân Đồn. Sau khi chuyển tiền lần hai cho ông L, đến thời điểm ông Ng khởi kiện, ông Ng không hề có liên lạc gì với ông L, không điện thoại và không đôn đốc ông L thực hiện hợp đồng lần nào.

Về việc thực hiện hợp đồng, ngay sau khi nhận tiền đặt cọc, ông L đã thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục để xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đảo Hòn Sồng và đến ngày 31/5/2017, anh Nguyễn Đức Th được UBND huyện Vân Đồn cấp Giấy CNQSDĐ số CH 808954 số vào sổ CH 01436 với diện tích 123.344,3m^2 mục đích sử dụng: Đất trồng rừng sản xuất thời hạn sử dụng đến ngày 17/6/2053. Đối với diện Diện tích mặt nước 3,84 ha nêu trong giấy nhận đặt cọc bán đảo Hòn Sồng, đây là diện tích mặt nước biển đã được UBND huyện giao cho em trai ông L là Nguyễn Đức Th theo quyết định số 125 ngày 25/3/2005.

Ông L thường xuyên liên lạc bằng điện thoại với ông Ng cụ thể là hai số điện thoại của ông Ng là: 0961232233 và 0913027266 để thông báo tình hình tiến độ xin cấp giấy CNQSDĐ và thông báo cho ông Ng biết đã được cấp GCNQSDĐ, đồng thời đề nghị ông Ngtiếp tục thực hiện hợp đồng như nội dung hợp đồng đặt cọc đã thực hiện. Trong tất cả các buổi liên lạc ông Ng đều thông báo là chưa có tiền để thực hiện hợp đồng. Các phiên liên lạc ông L gọi cho ông Ng được thể hiện trong bản cước chi tiết tháng 4/2017 và tháng 6/2017.

Về việc sử dụng số tiền đặt cọc, ông L đã đưa toàn bộ số tiền này cho anh Nguyễn Đức Th để anh Th xây nhà, ông L có quan điểm đây là quan hệ riêng của

ông và anh Th, ông không có ý kiến gì khác về việc này, sau này nếu có tranh chấp đối với số tiền nêu trên, ông L và anh Th sẽ giải quyết trong một vụ án dân sự khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Đức Th trình bày: Năm 2003 thực hiện chủ trương giao đất giao rừng vợ chồng anh được giao 12,5ha đảo Hòn Sồng. Sau khi được giao đất, giao rừng, gia đình anh đã đầu tư trồng rừng hàng năm, thuê người phát khoanh vùng, khoanh nuôi bảo vệ rừng. Năm 2017 anh có làm hợp đồng ủy quyền cho anh trai là Nguyễn Tiến L lập hợp đồng bán rừng cho ông Đinh Văn Ng. Sau đó ông L đã đưa cho anh toàn bộ số tiền đặt cọc, anh đã dùng số tiền anh L nhận đặt cọc của ông Ng là 1.000.000.000 đồng để xây nhà hết số tiền trên. Sau khi nhận tiền, anh đã cùng với chị Nh, ông L tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật để chuyển đổi từ sổ xanh sang sổ hồng (GCNQSDĐ) để ông L có căn cứ ký hợp đồng công chứng chuyển nhượng đất rừng cho ông Ng.

Chị Phạm Thị Nh trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức Th là vợ chồng. Năm 2003 thực hiện chủ trương giao đất giao rừng vợ chồng chị được giao 12,5 ha đảo Hòn Sồng. Sau khi được giao đất, giao rừng gia đình đã đầu tư trồng rừng hàng năm, thuê người phát khoanh vùng, khoanh nuôi bảo vệ rừng. Năm 2017, chồng chị có làm hợp đồng ủy quyền cho anh trai chồng là Nguyễn Tiến L, lập hợp đồng bán rừng cho ông Đinh Văn Ng. Việc ủy quyền của anh Th cho anh L để bán đảo Hòn Sồng chị không được biết, nên việc ủy quyền này là trái pháp luật, vì vậy, chị yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng đặt cọc giữa ông L và ông Nglà vô hiệu. Còn việc anh Th mang 1.000.000.000 đồng về xây nhà chị không được biết đây là tiền ông L nhận đặt cọc bán rừng với ông Ng. Chị thừa nhận đã cùng với anh Th tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật để chuyển đổi từ sổ xanh sang sổ hồng (GCNQSDĐ) đối với đất rừng tại đảo Hòn Sồng.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DS-ST ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn Ng về đòi tiền đặt cọc. Không chấp nhận yêu cầu của anh Đinh Văn Ng về đòi tiền phạt cọc và yêu cầu bổ sung tuyên bố hợp đồng đặt cọc ký kết ngày 04/4/2017 giữa ông Đinh Văn Ng và anh Nguyễn Tiến L là vô hiệu do bị lừa dối.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Tiến L về yêu cầu không trả cho ông Đinh Văn Ng số tiền đặt cọc 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

- Buộc anh Nguyễn Tiến L phải trả cho ông Đinh Văn Ng số tiền đặt cọc là: 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Kháng cáo: Ngày 03/11/2020, ông Ng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngđơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia phiên tòa và Thư ký Tòa án đã chấp hành đầy đủ, đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự cơ bản thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Qua phân tích và đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm định tại phiên tòa, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo làm trong hạn và trong phạm vi xét xử sơ thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm thị Nh.

[2] Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DS-ST ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn đã xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng và đủ những người tham gia tố tụng. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngđơn.

Hội đồng xét xử thấy: Việc ký kết hợp đồng đặt cọc giữa ông L và ông Ng là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh, ông L đã lừa dối ông Ng khi ký kết hợp đồng, nên hợp đồng đặt cọc có hiệu L.

Ông Ng khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng đặt cọc vô hiệu do bị lừa dối yêu cầu trả tiền đặt cọc 1 tỷ đồng và phạt cọc 2 tỷ đồng. Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa, người đại diện nguyên đơn trình bày trước khi ký hợp đồng đặt cọc nguyên đơn đã kiểm tra tìm hiệu hiện trạng thửa, đã yêu cầu ông L cung cấp giấy tờ chứng minh QSDĐ, ông L không cung cấp nhưng ông Ng vẫn ký hợp đồng đặt cọc mục đích để chuyển nhượng QSDĐ rừng và đất mặt biển để nuôi trồng thủy sản. Như vậy, ông Ng không bị lừa dối.

[4] Ngay sau khi nhận tiền đặt cọc, ông L đã thực hiện việc xin cấp đổi giấy CNQSDĐ từ quyết định giao đất giao rừng (sổ xanh) sang giấy CNQSDĐ để thực hiện cam kết là ký công chứng hợp đồng chuyển nhượng mua bán đảo Hòn Sồng cho ông Ng, thực tế đến ngày 31/5/2017, UBND huyện Vân Đồn đã cấp CNQSDĐ số CH 01436 ngày 31/5/2017, cho anh Nguyễn Đức Th được quyền sử dụng

123.344,4m^2 đất tại Thôn Thái Hòa, xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, để trồng rừng sản xuất. Như vậy, việc ông Nguyễn Tiến L không đảm bảo thời gian trong hạn 30 ngày để ký hợp đồng công chứng, chuyển nhượng mua bán đảo Hòn Sồng cho ông Ng, như thỏa thuận tại hợp đồng đặt cọc, là do yếu tố khách quan đem lại, khi cơ quan hành chính nhà nước thực hiện trình tự, thủ tục cấp đổi giấy CNQSDĐ, theo yêu cầu của công dân. Không phải do lỗi chủ quan của ông Nguyễn Tiến L là cố tình không thực hiện cam kết. Do là lỗi khách quan và thuộc trường hợp bất khả kháng. Mặt khác, sau khi được cấp GCNQSD đất ông L đã thông báo bằng điện thoại cho ông Ng biết đất đã được cấp GCNQSDĐ, đồng thời đề nghị ông Ng tiếp tục thực hiện hợp đồng như nội dung hợp đồng đặt cọc đã thực hiện. Nhưng ông Ng không thực hiện, nên hai bên không thể giao kết hợp đồng chuyển nhượng. Do vậy, lỗi của cả hai bên nên không đặt ra phạt cọc.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2003/NQ – HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, tại điểm d mục 1 phần I thì *"Trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc có trở ngại khách quan thì không phạt cọc". Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy bản án dân sự sơ thẩm* buộc ông L trả cho ông ông Ng số tiền đặt cọc 1.000.000.000 đồng, và không chấp nhận yêu cầu phạt cọc là có căn cứ đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh có quan điểm không chấp nhận yêu cầu phạt cọc là có căn cứ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

Yêu cầu phạt cọc của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự thẩm theo quy định.

Kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu L pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn.

Căn cứ Điều 328, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 01/2003/NQ – HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn Ng về đòi tiền đặt cọc. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đinh Văn Ng về đòi tiền phạt cọc và yêu cầu bổ

sung tuyên bố hợp đồng đặt cọc ký kết ngày 04/4/2017 giữa ông Đinh Văn Ng và ông Nguyễn Tiến L là vô hiệu do bị lừa dối.

- Buộc ông Nguyễn Tiến L phải trả cho ông Đinh Văn Ng số tiền đặt cọc là: 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu L pháp luật, ông Đinh Văn Ng có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Nguyễn Tiến L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền (trả không đủ, hoặc không trả) cho ông Ng, thì hàng tháng ông L còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (lãi suất chậm thi hành án được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Tiến L phải chịu 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Đinh Văn Ng phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) dự phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai 0002227 ngày 17/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Đồn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu L pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu L kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn:
- VKS nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Vân Đồn;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Lưu hồ sơ, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Văn Thắng